TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/DS-PT
Ngày: 05/01/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lê Ngọc Tường

Các Thẩm phán: 1. Bà Huỳnh Thị Như Hà
2. Bà Mai Thị Mỹ Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 05/01/2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 544/2023/TLPT-DS ngày 01/11/2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 272/2023/DS-ST ngày 02/8/2023 của Toà án nhân dân Quận 12 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5884/2023/QĐXXPT-DS ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP B
Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà L, số B T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.
Địa chỉ liên hệ: 506 N, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Anh T, sinh năm 1996 (có mặt) và bà Đặng Hoàng Phương T1, sinh năm 1983
Cùng địa chỉ liên hệ: E N, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:
2.1. Ông Nguyễn Khánh T2, sinh năm 1985 (có mặt)
Địa chỉ thường trú: số I đường T, Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
2.2. Bà Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 1993 (có mặt)
Địa chỉ thường trú: 32 T, Tổ D, Khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Nơi cư trú hiện nay: số I đường T, Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị Tường V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP B trình bày:

Ngân hàng TMCP B với ông Nguyễn Khánh T2 và bà Nguyễn Thị Tường V có ký kết Hợp đồng tín dụng số HDTD5052022008 ngày 20/01/2022, với số tiền vay là 6.300.000.000đ (sáu tỷ ba trăm triệu đồng); thời hạn vay: 240 tháng (từ ngày 24/01/2022 đến 24/01/2042); lãi suất cố định 8,4%/năm, cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; mục đích vay: hoàn vốn tiền mua bất động sản tại thửa đất số 825, tờ bản đồ số 32, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Để đảm bảo cho khoản vay, các bên đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC5052022006 ngày 20/01/2022, theo đó tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 825, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại địa chỉ xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH07412 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 10/7/2020 đã cập nhật sang tên ông Nguyễn Khánh T2 và bà Nguyễn Thị Tường V ngày 20/01/2022.

Ngoài ra, ông T2 và bà V còn ký kết với Ngân hàng về việc phát hành thẻ tín dụng (Thẻ visa), với hạn mức mỗi thẻ là 300.000.000 đồng theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 30/6/2021 của ông Nguyễn Khánh T2; Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/8/2022 của bà Nguyễn Thị Tường V.

Do ông Nguyễn Khánh T2 và bà Nguyễn Thị Tường V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 15/01/2023, toàn bộ nợ vay của hợp đồng tín dụng nêu trên đã được Ngân hàng chuyển nợ quá hạn (nợ nhóm 2) và áp dụng lãi suất phạt quá hạn. Hiện tại, khoản vay chuyển sang nợ nhóm 3 (từ tháng 04/2021).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Khánh T2 và bà Nguyễn Thị Tường V phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 02/8/2023 là 7.263.808.305 đồng, trong đó nợ gốc là 6.011.249.995 đồng, tiền lãi là 536.692.622 đồng, nợ thẻ tín dụng của ông Nguyễn Khánh T2 là 358.583.983 đồng; nợ thẻ thẻ tín dụng của bà Nguyễn Thị Tường V là 357.281.705 đồng và tiếp tục tính tiền lãi từ ngày 03/8/2023 cho đến khi ông T2 và bà V thanh toán hết các khoản nợ.

Trường hợp, ông T2 và bà V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo cho Ngân hàng để thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiếp tục kê biên phát mãi các tài sản khác của ông T2 và bà V đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 272/2023/DS-ST ngày 02/8/2023, Toà án nhân dân Quận 12 đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Khánh T2 và bà Nguyễn Thị Tường V phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tính đến ngày 02/8/2023 tổng cộng là 7.263.808.305 đồng, trong đó nợ gốc là 6.011.249.995 đồng, tiền lãi là 536.692.622 đồng, nợ thẻ tín dụng của ông Nguyễn Khánh T2 là 358.583.983 đồng, nợ thẻ thẻ tín dụng của bà Nguyễn Thị Tường V là 357.281.705 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD5052022008 ngày 20/01/2022; Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 30/6/2021 của ông Nguyễn Khánh T2; Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/8/2022 của bà Nguyễn Thị Tường V ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ tiếp tục được điều chỉnh trong giai đoạn thi hành án.

Trường hợp ông T2, bà V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đối với Ngân hàng TMCP B thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 825, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại địa chỉ xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH07412 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 10/7/2020, đã cập nhật sang tên ông Nguyễn Khánh T2 và bà Nguyễn Thị Tường V ngày 20/01/2022, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC5052022006 ngày 20/01/2022 để thu hồi nợ.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nói trên được dùng để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của ông T2, bà V, nếu thừa sẽ được trả lại cho ông T2, bà V; nếu còn thiếu thì ông T2, bà V phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

2. Về chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Khánh T2 và bà Nguyễn Thị Tường V phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn đối với khoản tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, nếu ông Nguyễn Khánh T2 và bà Nguyễn Thị Tường V chậm thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Khánh T2 và bà Nguyễn Thị Tường V phải chịu án phí là 115.263.808đ (một trăm mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm lẻ tám đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 57.385.012đ (năm mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, không trăm mười hai đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0005745 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/8/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Tường V nộp đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tường V kháng cáo không đồng ý với cách tính lãi suất của Ngân hàng và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ quá cao không phù hợp thực tế.

Bị đơn ông Nguyễn Khánh T2 thống nhất với yêu cầu kháng cáo của bà V.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B ủy quyền cho ông Lê Anh T và bà Đặng Hoàng Phương T1 đại diện trình bày: Ngân hàng tính lãi suất theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng do các bên thỏa thuận là đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu không chấp nhận kháng cáo của bà V cho rằng, Ngân hàng tính lãi suất quá cao.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 12.000.000 đồng. Ngân hàng tự nguyện chịu số tiền 12.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Đối với các phần khác của quyết định Bản án sơ thẩm yêu cầu giữ nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các đương sự trong vụ án thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP B chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chổ là 12.000.000 đồng.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số HDTD5052022008 ngày 20/01/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5052022008/01 ngày 24/01/2022, hai bên thỏa thuận lãi suất là tự nguyện. Do đó, Ngân hàng TMCP B tính lãi suất dựa trên sự thỏa thuận của các bên là phù hợp. Do đó, bà V kháng cáo cho rằng, Ngân hàng TMCP B tính lãi suất quá cao là không có căn cứ.

Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V cho rằng, Ngân hàng TMCP B tính lãi suất quá cao.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà V, về chi phí xem xét thẩm định tại chổ. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP B chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 12.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Theo Hợp đồng tín dụng số HDTD5052022008 ngày 20/01/2022, có nội dung**:** Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Thành phố H cho ông Nguyễn Khánh T2 và bà Nguyễn Thị Tường V vay số tiền vay là 6.300.000.000đ (sáu tỷ ba trăm triệu đồng); thời hạn vay: 240 tháng (từ ngày 24/01/2022 đến 24/01/2042); lãi suất cố định 8,4%/năm, cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; mục đích vay: hoàn vốn tiền mua bất động sản tại thửa đất số 825, tờ bản đồ số 32, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 73 – 77).

[2] Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5052022008/01 ngày 24/01/2022 có nội dung: ông Nguyễn Khánh T2 và bà Nguyễn Thị Tường V đề nghị giải ngân và nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng số HDTD5052022008 ngày 20/01/2022 ký giữa Bên cho vay Ngân hàng TMCP B (L) với Bên vay ông Nguyễn Khánh T2 và bà Nguyễn Thị Tường V như sau: số tiền được cấp tín dụng theo Hợp đồng tín dụng 6.300.000.000 đồng, số tiền nhận nợ 6.300.000.000 đồng. Ngày giải ngân 24/01/2022, thời hạn vay: 240 tháng (từ ngày 25/01/2022 đến 24/01/2042); lãi suất cố định 8,4%/năm, cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ chậm trả bằng 10%/năm và tính trên số lãi chậm trả. Phương thức điều chỉnh lãi suất từ tháng thứ 4, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần (bút lục số 78).

[3] Theo theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CV 604387, số vào sổ cấp GCN: CH07412 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/7/2020, cập nhật thông tin thay đổi ngày 20/01/2022 thể hiện: Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Khánh T2 và bà Nguyễn Thị Tường V theo hồ sơ số 008834.CN.001 có xác nhận của Chi nhánh Văn phòng Đ ngày 20/01/2022 (bút lục số 65).

[4] Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC5052022006 có chứng nhận của Văn phòng C ngày 20/01/2022 có nội dung: ông Nguyễn Khánh T2 và bà Nguyễn Thị Tường V đồng ý thế chấp tài sản quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CV 604387, số vào sổ cấp GCN: CH07412 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày

10/7/2020, cập nhật thông tin thay đổi ngày 20/01/2022, cụ thể như sau: thửa đất số 825, tờ bản đồ số 32, địa chỉ thửa đất: xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 1.103,4m^2, hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 200m^2; đất trồng cây hàng năm khác 903,4m^2 (bút lục số 68 – 72).

[5] Theo Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, giữa Bên thế chấp ông Nguyễn Khánh T2 và bà Nguyễn Thị Tường V và Bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Thành phố H có chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ ngày 21/01/2022, tài sản thế chấp: thửa đất số 825, tờ bản đồ số 32, , mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 200m^2; đất trồng cây hàng năm khác 903,4m^2, thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn lâu dài; đất trồng cây hàng năm khác: 2022, địa chỉ thửa đất: xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 1.103,4m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CV 604387, số vào sổ cấp GCN: CH07412 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/7/2020, cập nhật thông tin thay đổi ngày 20/01/2022 (bút lục số 66 – 67).

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng TMCP B ủy quyền cho Lê Anh T, bà Đặng Hoàng Phương T1 và ông Nguyễn Khánh T2, bà Nguyễn Thị Tường V xác nhận thống nhất số tiền nợ gốc ông T2 và bà V nợ theo Hợp đồng tín dụng là 6.011.249.995 đồng và nợ gốc Thẻ tín dụng của ông T2 là 300.000.000 đồng; nợ gốc Thẻ tín dụng của bà V1 là 298.967.088 đồng.

[7] Xét, tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số HDTD5052022008 ngày 20/01/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5052022008/01 ngày 24/01/2022, Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Thành phố H và ông Nguyễn Khánh T2, bà Nguyễn Thị Tường V thỏa thuận lãi suất cố định 8,4%/năm, cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ chậm trả bằng 10%/năm và tính trên số lãi chậm trả. Phương thức điều chỉnh lãi suất từ tháng thứ 4, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Như vậy, Ngân hàng tính thời gian lãi trong hạn phải trả là 510.420.437 đồng, lãi quá hạn hạn là 12.775.515 đồng và lãi chậm trả là 13.496.670 đồng. Tổng cộng là 536.692.622 đồng, theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng số HDTD5052022008 ngày 20/01/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5052022008/01 ngày 24/01/2022 là có căn cứ. Do đó, bà V kháng cáo cho rằng Ngân hàng TMCP B tính lãi quá cao là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[8] Theo Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, mã khách hàng CIF: 04467494 ngày 30/6/2021 của ông Nguyễn Khánh T2 và Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, mã khách hàng CIF: 05190175 ngày 18/8/2022 của bà Nguyễn Thị Tường V, thể hiện: Hạn mức tín dụng đề nghị 300.000.000 đồng.

[9] Đối với Thẻ tín dụng của ông T2: Ngân hàng tính tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng; phí thuế là 2.018.047 đồng và lãi là 56.565.936 đồng, lãi tính từ ngày 09/01/2022 đến ngày 09/02/2022 là 28% và từ ngày 09/02/2022 đến ngày 02/8/2023 là 42%. Tổng cộng là 358.583.938 đồng là có căn cứ.

[10] Đối với Thẻ tín dụng của bà V: Ngân hàng tính tiền nợ gốc là 298.967.088 đồng; phí thuế là 1.904.825 đồng và lãi là 56.409.792 đồng, lãi tính từ ngày 28/12/2022 đến ngày 28/01/2023 là 28% và từ ngày 28/01/2023 đến ngày 02/8/2023 là 42%. Tổng cộng là 357.281.705 đồng là có căn cứ.

[11] Án sơ thẩm, căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, hai bên có quyền thỏa thuận về lãi suất theo quy định của pháp luật, nên những thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP B với ông T2 và bà V về lãi suất là phù hợp pháp luật. Do đó, bà V kháng cáo cho rằng Ngân hàng TMCP B tính lãi quá cao là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[12] Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B ủy quyền cho ông Lê Anh T và bà Đặng Hoàng Phương T1 đại diện tự nguyện chịu số tiền 12.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chổ. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng và sửa bản án sơ thẩm về phần chi phí xem xét, thẩm định tại chổ (đây là tình tiết phát sinh mới nên cấp sơ thẩm không có lỗi).

[13] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V cho rằng Ngân hàng tính lãi suất quá cao; ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 12.000.000 đồng.

Như đã nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên chấp nhận.

[14] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên bà V không phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117; Điều 119; Điều 298; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 323; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 4; Điều 90; Điều 91 của Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ, quy định thi hành bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

Căn cứ Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ, về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tường V.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 272/2023/DS-ST ngày 02/8/2023 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Khánh T2 và bà Nguyễn Thị Tường V phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tính đến ngày 02/8/2023 tổng cộng là 7.263.808.305đ (bảy tỷ hai trăm sáu mươi ba triệu tám trăm lẻ tám nghìn ba trăm lẻ năm đồng), trong đó nợ gốc là 6.011.249.995đ (sáu tỷ không mười một triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng), tiền lãi là 536.692.622đ (năm trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi hai đồng); nợ thẻ tín dụng của ông Nguyễn Khánh T2 là 358.583.983đ (ba trăm năm mươi tám triệu năm trăm tám mươi ba nghìn chín trăm tám mươi ba đồng); nợ thẻ thẻ tín dụng của bà Nguyễn Thị Tường V là 357.281.705đ (ba trăm năm mươi bảy triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm lẻ năm đồng) theo Hợp đồng tín dụng số HDTD5052022008 ngày 20/01/2022; Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 30/6/2021 của ông Nguyễn Khánh T2; Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/8/2022 của bà Nguyễn Thị Tường V ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ tiếp tục được điều chỉnh trong giai đoạn thi hành án.

Trường hợp, ông T2 và bà V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đối với Ngân hàng TMCP B thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 825, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại địa chỉ xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 604387, số vào sổ cấp GCN: CH07412 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 10/7/2020, đã cập

nhật sang tên ông Nguyễn Khánh T2 và bà Nguyễn Thị Tường V ngày 20/01/2022, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC5052022006 ngày 20/01/2022 để thu hồi nợ.

Số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm nói trên được dùng chi phí cho việc phát mãi và để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của ông T2 và bà V nêu trên, nếu thừa sẽ được trả lại cho ông T2 và bà V; nếu thiếu thì ông T2 và bà V phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ nêu trên.

2.2. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP B chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) (đã nộp đủ).

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Khánh T2 và bà Nguyễn Thị Tường V phải chịu án phí là 115.263.808đ (một trăm mười lăm triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm lẻ tám đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 57.385.012đ (năm mươi bảy triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn không trăm mười hai đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0005745 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Tường V không phải chịu. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tường V số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0030507 ngày 15/9/2023 của Chi cục Thi hành án Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA DS Quận 12;
- TAND Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Tường